

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HS-ST

Ngày: 22-02-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Mạnh.

Bà Phạm Thị Kim Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện V tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST - HS ngày 08 tháng 02 năm 2023; đối với bị cáo:

Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M); sinh năm 1998; nơi sinh: tỉnh Nam Định; ĐKKHKT, nơi cư trú: Xóm Già, xã Kim T, Huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Chiêm và bà Trần Thị Hoàng; chưa có vợ, con.

Tiền án:

Ngày 16-12-2016, Toà án nhân dân huyện V – tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”;

Ngày 17-10-2019, Toà án nhân dân huyện V – tỉnh Nam Định xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Chấp hành xong án phạt tù ngày 27-01-2021.

Tiền sự: Ngày 16-08-2019, Công an Huyện V ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính “Phạt tiền 2.000.000 đồng” về hành vi cố ý gây thương tích (Bị cáo chưa thực hiện quyết định này).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17-9-2022 đến ngày 23-9-2022 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Anh Trương Đình Th; sinh năm 1993; cư trú tại: Xóm Già, xã Kim T, Huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

2- Anh Bùi Văn Q; sinh năm 1995; cư trú tại: Xóm Tân Phương, xã Kim T, Huyện V, tỉnh Nam Định (Có mặt).

3- Anh Nguyễn Chí Q; sinh năm 2002; cư trú tại: Xóm Tiên, xã Liên Minh, Huyện V, tỉnh Nam Định (Có mặt).

4- Anh Đỗ Anh M; sinh năm 1999; cư trú tại: Thôn Đắc Lực, xã Liên Bảo, Huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1- Anh Vũ Đình T (Vắng mặt).

2- Anh Trần Văn H (Có mặt).

3- Chị Nguyễn Thị Ng (Có mặt).

4- Anh Đỗ Văn H, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn ra tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Q (tên gọi khác là Trần Văn M) không có việc làm ổn định, nên đã nảy sinh ý định cho các đối tượng ở địa bàn Huyện V, tỉnh Nam Định vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính. Khi cho các đối tượng vay tiền thì Q và các đối tượng thỏa thuận về cách trả lãi: Một tháng trả lãi một lần và bên vay phải trả tiền lãi trước hạn một tháng, không xác định thời hạn trả tiền gốc. Tính từ ngày 13-5-2022 đến thời điểm bị phát hiện là ngày 16-9-2022 thì Q đã cho các đối tượng vay tiền với lãi suất cao cụ thể như sau:

1. Trương Đình Th vay tiền của Q 04 lần gồm:

+ Ngày 13-5-2022, Th vay của Q số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi xuất 2 triệu/10 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/1 năm. Đến ngày 16-9-2022 (thời điểm bị phát hiện), tổng số tiền lãi Thùy phải trả cho Q là 8.400.000 đồng. Số tiền lãi Thùy đã trả được cho Q là 8.000.000 đồng;

+ Ngày 30-5-2022 Th tiếp tục vay của Q số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi xuất 1 triệu/5 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm. Đến ngày 16-9-2022 (thời điểm bị phát hiện), tổng số tiền lãi Thùy phải trả cho Q là 3.633.000 đồng. Số tiền lãi T đã trả được cho Q là 4.000.000 đồng;

+ Ngày 11-8-2022 Th tiếp tục vay của Q số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi xuất 1 triệu/5 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm. Đến ngày 16-9-2022 (thời điểm bị phát hiện), tổng số tiền lãi Thùy phải trả cho Q là 1.200.000 đồng. Số tiền lãi Thùy đã trả được cho Q là 1.000.000 đồng;

+ Ngày 13-8-2022, Th tiếp tục vay của Q số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 2 triệu/10 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/1 năm. Đến ngày 16-9-2022 (thời điểm bị phát hiện), tổng số tiền lãi Thùy phải trả cho Q là 2.266.780 đồng. Số tiền lãi Th đã trả được cho Q là 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền Th vay của Q 4 lần là 30.000.000 đồng, đến thời điểm bị phát hiện thì Th chưa trả được số tiền gốc của lần vay nào cả. Tổng số tiền lãi Th đã trả cho Q là 15.000.000 đồng.

2. Bùi Văn Q vay tiền của Q 01 lần, cụ thể: Ngày 12-6-2022, Quý vay của Q số tiền 15.000.000 đồng với mức lãi suất 3 triệu/15 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm. Đến ngày 16-9-2022 (thời điểm bị phát hiện), tổng số tiền lãi Quý phải trả cho Q là 9.600.480 đồng. Số tiền lãi Quý đã trả được cho Q là 12.000.000 đồng và chưa trả được số tiền gốc nào cả.

3. Nguyễn Chí Q vay tiền của Trần Văn Q 02 lần gồm:

+ Ngày 16-5-2022, Nguyễn Chí Q vay của Trần Văn Q số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 1 triệu/5 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm. Đến ngày 16-9-2022 (thời điểm bị phát hiện), tổng số tiền lãi Nguyễn Chí Q phải trả cho Q là 4.100.000 đồng. Số tiền lãi Nguyễn Chí Q đã trả được cho Q là 5.000.000 đồng và chưa trả được số tiền gốc của lần vay này;

+ Ngày 10-7-2022, Nguyễn Chí Q vay của Trần Văn Q số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 1 triệu/5 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm. Đến ngày 10-9-2022, Nguyễn Chí Q đã trả hết cả gốc lẫn lãi cho Q. Số tiền lãi Q đã thu được của Nguyễn Chí Q trong lần vay này là 3.000.000 đồng.

Tổng số tiền Nguyễn Chí Q vay của Trần Văn Q trong 02 lần là 10.000.000 đồng. Nguyễn Chí Q đã trả cho Trần Văn Q tổng số tiền lãi là 8.000.000 đồng.

4. Đỗ Anh M vay tiền của Trần Văn Q 01 lần vào ngày 30-7-2022, số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 2 triệu/10 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm. Đến ngày 16-9-2022 (thời điểm bị phát hiện), tổng số tiền lãi Minh phải trả cho Q là 3.200.000 đồng. Minh đã trả cho Q tổng số tiền lãi là 2.000.000 đồng. Đến thời điểm bị phát hiện thì Minh chưa trả được số tiền gốc của lần vay này.

Ngoài ra, Q còn khai nhận cho anh Vũ Đình T vay tiền 07 lần gồm:

+ Ngày 12-7-2022, T vay của Trần Văn Q số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 2 triệu/10 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm;

+ Ngày 14-7-2022, T vay của Trần Văn Q số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 1 triệu/5 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm;

+ Ngày 16-7-2022, T vay của Trần Văn Q số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 2 triệu/10 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm;

+ Ngày 13-8-2022, T vay của Trần Văn Q số tiền 15.000.000 đồng với mức lãi suất 3 triệu/15 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm;

+ Ngày 07-8-2022, T vay của Trần Văn Q số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 1 triệu/5 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240% 1 năm;

+ Ngày 21-8-2022, T vay của Trần Văn Q số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất 1 triệu/5 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240% 1 năm;

+ Ngày 30-8-2022, T vay của Trần Văn Q số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất 2 triệu/10 triệu/1 tháng tương đương với mức lãi suất 240%/ 1 năm.

Tổng số tiền Trần Văn Q cho Vũ Đình T vay 07 lần là 60.000.000 đồng. Vũ Đình T đã trả cho Trần Văn Q tổng số tiền lãi là 17.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện tại T không có mặt tại địa phương, Cơ quan CSĐT Công an Huyện V chưa triệu tập, làm việc được với Vũ Đình T, nên chưa thể điều tra làm rõ được việc vay tiền giữa Nguyễn Văn Q và Vũ Đình T.

Tất cả các lần Q cho các đối tượng vay tiền và các lần trả tiền lãi nêu trên thì Q đều ghi lại vào một quyển sổ tay gồm 92 trang giấy kẻ ô vuông, bìa màu xanh có kích thước (13,1 x 8,7)cm để theo dõi việc trả tiền lãi của các đối tượng. Ngày 16-9-2022, Cơ quan CSĐT Công an Huyện V đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Q tại thôn Báng Già. Quá trình khám xét, Cơ quan CSĐT Công an Huyện V đã thu giữ 01 quyển sổ có đặc điểm nêu trên.

Ngày 31-10-2022, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định có bản Kết luận giám định số 1452/KL-KTHS kết luận: Chữ viết trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A) trừ chữ số được viết bằng bút mực xanh tại góc trái, phải phía trên các tờ so với chữ viết đứng tên Trần Văn Q trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1, M2) trừ chữ viết tại mục “ngày, tháng, năm” phía bên trái, số “16” tại mục ngày phía bên phải dòng 33 trang 2, dòng 16 trang 4; chữ viết dưới mục “Cán bộ tiếp nhận” trên mẫu so sánh (Ký hiệu M1) và chữ viết tại mục “ngày, tháng, năm” phía bên trái dòng 19 mặt sau, chữ viết dưới mục “Cán bộ tiếp nhận” trên mẫu so sánh (Ký hiệu M2) do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số: 06/CT-VKSVB ngày 09-01-2023 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Trần Văn Q (tên gọi khác là Trần Văn M) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ lời khai, bản tường trình của bị cáo có trong hồ sơ là đúng và không bổ sung gì; thừa nhận lời khai của những người tham gia phiên tòa là đúng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Những người tham gia phiên tòa:

+) Anh Bùi Văn Q: Thừa nhận vay của Q tiền gốc 15.000.000đ, với lãi suất 3.000.000đ/15.000.000đ/1 tháng và đã trả lãi 12.000.000đ; đến nay chưa trả gốc.

+) Anh Nguyễn Chí Q: Thừa nhận vay của Q 02 lần, tổng 10.000.000 đồng, với mức lãi suất 1.000.000đ/5.000.000đ/1 tháng và đã trả lãi 8.000.000đ. Đến nay đã trả gốc 5.000.000đ, còn nợ gốc 5.000.000đ.

+) Anh Trần Văn H: Thừa nhận cho Q vay 03 lần, tổng số tiền 40.000.000đ, mới thu lãi của Q 3.000.000đ.

+) Chị Nguyễn Thị Ng: Xác nhận không cho Q vay tiền.

+) Anh Đỗ Văn H,: Xác nhận Đỗ Anh M là cháu ruột của anh, anh đã trả cho Q 10.000.000đ tiền gốc mà cháu Minh đã vay của Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện V thực hành quyền công tố, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về điều luật: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q (tên gọi khác là Trần Văn M) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Văn Q (tên gọi khác là Trần Văn M) từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn hình khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M) từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, để sung ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 65.000.000 đồng mà Trần Văn Q đã cho Trương Đình Thùy, Bùi Văn Quý, Nguyễn Chí Q và Đỗ Anh M vay cụ thể: Buộc bị cáo phải nộp 15.000.000đ; anh Trương Đình Thùy phải nộp 30.000.000 đồng; anh Bùi Văn Quý phải nộp 15.000.000 đồng; anh Nguyễn Chí Q phải nộp 5.000.000 đồng; để sung ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Trần Văn Q phải nộp số tiền 2.869.350 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) đây là khoản tiền do phạm tội mà có để sung ngân sách nhà nước.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại Iphone XS màu vàng đồng có số IMEL1: 353134100611318, IMEL2: 353134100608629, bên trong máy có lắp sim số 0815509508 (máy đã qua sử dụng) của Trần Văn Q.

- Buộc bị cáo Trần Văn Q phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

Trả lại anh Trương Đình Thùy 13.709.625đ;

Trả lại anh Bùi Văn Quý 11.200.800đ;

Trả lại anh Nguyễn Chí Q 7.486.625đ;

Trả lại anh Đỗ Anh M 1.733.600đ.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quyển sổ ghi chép giấy kẻ ô, bìa màu xanh có kích thước (13,1 x 8,7)cm, sổ gồm 46 tờ cả bìa được đánh số từ 1 đến 46, trong sổ có các tờ số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 45, 46 có viết chữ và số.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Vật chứng đã thu giữ; Kết luận giám định; lời khai của bị cáo; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, của người làm chứng tại cơ quan điều tra... Nên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Từ ngày 13-5-2022 đến ngày 16-9-2022, Trần Văn Q (tên gọi khác là Trần Văn M) đã cho tổng số 04 đối tượng gồm: Trương Đình Th, Bùi Văn Q, Nguyễn Chí Q, Đỗ Anh M vay tiền với tổng số tiền là 65.000.000 đồng, với mức lãi suất là 240%/1 năm. Tính đến ngày 16-9-2022 (thời điểm bị phát hiện), tổng số tiền thu lợi bất chính của Q là 36.197.430 đồng; số tiền lãi Q đã thu được của các đối tượng vay là 37.000.000 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Huyện V truy tố và luận tội hành vi của bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng; bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự cũng như năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện việc phạm tội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Nên, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về đường lối xử lý hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và động cơ mục đích phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét thấy: Tội phạm mà bị cáo đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng, vì vậy xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo vì bị cáo lao động tự do.

Ngoài hình phạt chính, áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật Hình sự; điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Đối với khoản tiền 65.000.000 đồng mà Trần Văn Q dùng để cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vay, đến nay anh Thùy và anh Quý trả trả cho bị cáo; anh Q mới trả 5.000.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng; anh Minh đã trả đủ. Đây là tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Như vậy cần buộc bị cáo phải nộp 15.000.000đ; Trương Đình Thùy phải nộp 30.000.000 đồng; Bùi Văn Quý phải nộp 15.000.000 đồng; Nguyễn Chí Q phải nộp 5.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà Q đã thu của người vay trong vụ án này là 2.869.350 đồng; nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm mà có, do đó tịch thu sung quỹ nhà Nước. (Khi tịch thu số tiền đồng nhỏ sẽ được làm tròn).

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại Iphone XS màu vàng đồng có số IMEL1: 353134100611318, IMEL2: 353134100608629, bên trong máy có lắp sim số 0815509508 (máy đã qua sử dụng) của Q đã sử dụng làm công cụ phạm tội.

+ Buộc bị cáo Trần Văn Q phải trả lại khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền 34.130.650 đồng (số tiền lãi Q đã thu được của các đối tượng vay là 37.000.000 đồng - 2.869.350 đồng

tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự 20%/năm = 34.130.650 đồng) gồm: Tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) và các khoản thu trái pháp luật khác mà người vay thực tế đã trả cho Trần Văn Q; nên được trả lại cho:

Trương Đình Th 13.709.625 đ;

Bùi Văn Quý 11.200.800 đ;

Nguyễn Chí Q 7.486.625đ;

Đỗ Anh M 1.733.600đ.

(Khi trả số tiền đồng nhỏ sẽ được làm tròn).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 quyển sổ ghi chép giấy kẻ ô, bìa màu xanh có kích thước (13,1 x 8,7)cm, sổ gồm 46 tờ cả bìa được đánh số từ 1 đến 46, trong sổ có các tờ số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 45, 46 có viết chữ và số đã sử dụng làm công cụ phạm tội.

[7] Đối với Trần Văn H và Nguyễn Thị Ng: Không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự; mà cho vay tiền nhưng lãi xuất cho vay vượt quá tỷ lệ lãi xuất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Hành vi của Hân và Ngà đã vi phạm điểm đ khoản 4 Điều 12, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Chủ tịch UBND Huyện V đã ra Quyết định xử phạt hành chính với Trần Văn H và Nguyễn Thị Ng là đúng. Đối với số tiền Anh Trần Văn H Thừa nhận cho Q vay 03 lần, tổng 40.000.000đ, mới thu lãi của Q 3.000.000đ, xét thấy đây là quan hệ dân sự vì vậy, không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Xác định anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị Ng là người làm chứng trong vụ án.

[8] Đối với việc cho vay nợ giữa bị cáo với anh Vũ Đình T hiện tại anh T không có mặt tại địa phương, Cơ quan CSĐT Công an Huyện V chưa triệu tập, làm việc được với Vũ Đình T, nên chưa thể điều tra làm rõ được việc vay tiền giữa Nguyễn Văn Q và Vũ Đình T. Vì vậy không xem xét giải quyết trong vụ án này. Xác định anh Vũ Đình T là người làm chứng trong vụ án này.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M) 24 (Hai bốn) tháng cải tạo không giam giữ; được trừ 06 ngày tạm giữ (Từ ngày 17-9-2022 đến ngày 23-9-2022) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 23 (Hai mươi ba) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Kim T, Huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành bản án và bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M).

Bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M) phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M) cho Ủy ban nhân dân xã Kim T, Huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M).

2.2. Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M) 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách nhà nước.

3. Xử lý vật chứng:

3.1. Buộc bị cáo Trần Văn Q phải nộp 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); anh Trương Đình Thùy phải nộp 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); anh Bùi Văn Quý phải nộp 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và anh Nguyễn Chí Q phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng); tổng 65.000.000đ (Sáu lăm triệu đồng), để sung vào ngân sách nhà nước. (Đây là số tiền gốc mà bị cáo Trần Văn Q đã cho anh Trương Đình Thùy, anh Bùi Văn Quý, anh Nguyễn Chí Q và anh Đỗ Anh M vay).

3.2. Buộc bị cáo Trần Văn Q phải nộp số tiền 2.869.300đ (Hai triệu tám trăm sáu chín nghìn ba trăm đồng), tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) đây là khoản tiền do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

3.3. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại Iphone XS màu vàng đồng có số IMEL1: 353134100611318, IMEL2: 353134100608629, bên trong máy có lắp sim số 0815509508 (máy đã qua sử dụng) của Trần Văn Q.

3.4. Buộc bị cáo Trần Văn Q phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

Trả lại anh Trương Đình Thùy 13.709.600đ (Mười ba triệu bảy trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng);

Trả lại anh Bùi Văn Quý 11.200.800đ (Mười một triệu hai trăm nghìn tám trăm đồng);

Trả lại anh Nguyễn Chí Q 7.486.600đ (Bảy triệu bốn trăm tám sáu nghìn sáu trăm đồng);

Trả lại anh Đỗ Anh M 1.733.600đ (Một triệu bảy trăm ba ba nghìn sáu trăm đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.5. Tịch thu tiêu hủy: 01 quyển sổ ghi chép giấy kê ô, bìa màu xanh có kích thước (13,1 x 8,7)cm, sổ gồm 46 tờ cả bìa được đánh số từ 1 đến 46, trong sổ có các tờ số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 45, 46 có viết chữ và số.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện V, tỉnh Nam Định theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11-01-2023).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn Q (Tên gọi khác là Trần Văn M) phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, anh Bùi Văn Quý và anh Nguyễn Chí Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Đình Thủy và anh Đỗ Anh M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. (Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh Nam Định;
- Công an Huyện V;
- Chi cục THADS Huyện V;
- UBND xã Kim T, Huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam